

NHÌN LẠI VIỆC NGHIÊN CỨU CỘI NGUỒN TIẾNG VIỆT QUA CÁC CÔNG TRÌNH THUỘC NỬA ĐẦU THẾ KỈ XX

TS VŨ ĐỨC NGHIỆU*

Mào những năm chót của thế kỷ XX này, khi nói về lịch sử tiếng Việt, mà cụ thể hơn là nguồn gốc của nó, dường như các nhà nghiên cứu đều đã thống nhất được với nhau rằng “tiếng Việt là một ngôn ngữ thuộc nhóm Việt Mường, tiểu chi Việt - Chứt (vẫn thường gọi là tiểu chi Việt Mường - VĐNg.) nằm trong khối Việt - Katu thuộc khu vực phía đông của ngành Môn- Khmer, họ Nam Á” [2, tr. 316].

Thật ra, để đi tới điều nhận xét tưởng như giản dị ấy, công việc nghiên cứu cội nguồn tiếng Việt đã trải qua chặng đường hơn một thế kỉ (bắt đầu từ cuối thế kỉ XIX), với những nỗ lực và công sức vô cùng to lớn, những cuộc tranh luận sôi nổi của nhiều nhà khoa học trong nước và quốc tế.

Theo trình tự thời gian và kết quả tiêu biểu đã đạt được, chúng tôi thấy, trên những nét lớn, có thể chia quá trình nghiên cứu nguồn gốc tiếng Việt thành ba giai đoạn sau đây:

a. Giai đoạn 1: Từ cuối thế kỉ XIX đến sát năm 1912, trước khi tác phẩm của H. Maspero *Etudes sur la phonetique historique de la*

langue Annamite. Les initiales [14] (Nghiên cứu ngữ âm lịch sử tiếng An nam - Các âm đầu) được công bố.

b. Giai đoạn 2: Từ cái mốc là công trình của H. Maspero đến sát năm 1953, trước khi hai bài báo nổi tiếng của A.G. Haudricourt được công bố năm 1953 và 1954.

- *La place du Vietnamien dans les langues Austroasiatique*, BSL. 1953. (Vị trí của tiếng Việt trong các ngôn ngữ Nam Á [6]).

- *De l'origine des tons en Vietnamien*, J.A. 1954. (Nguồn gốc các thanh của tiếng Việt [7]).

c. Giai đoạn 3: Từ thời điểm 1953 - 1954 đến nay.

Trong bài viết này, chúng tôi sẽ trình bày vấn đề hữu quan trong khoảng hơn một nửa thế kỉ (từ cuối thế kỉ XIX đến năm 1953-1954). Vấn đề thuộc nửa sau thế kỉ XX

.....
Trân trọng cảm ơn GS Nguyễn Văn Lợi (Viện ngôn ngữ học) đã cung cấp một số tài liệu và góp ý kiến với chúng tôi khi viết bài này.

**Trưởng phòng Phòng khoa học Trường đại học khoa học xã hội và nhân văn, Đại học quốc gia Hà Nội.*

(từ 1953 - 1954 đến nay) sẽ được trình bày trong một bài riêng.

1. Về căn bản, theo trình tự phân chia thành ba giai đoạn trên đây, có thể nói rằng trong giai đoạn một, ban đầu, các học giả (đều là người châu Âu) mới chỉ đề cập đến nguồn gốc tiếng Việt khi họ cùng một lúc nghiên cứu về nguồn gốc của các ngôn ngữ khác nữa trong toàn vùng Đông Nam Á, chứ chưa có những công trình riêng về tiếng Việt. Mặt khác, vấn đề đặt ra lúc đó cũng chưa được giải quyết một cách triệt để và thực sự thuyết phục, bởi tư liệu nghiên cứu chưa đầy đủ, chưa được xem xét một cách toàn diện và có hệ thống.

Mục đích chính trong nghiên cứu của các công trình thuộc thời kỳ này là điều tra, so sánh qua từ vựng cơ bản, nhằm phát hiện, xác định những nét tương đồng và khác biệt, những quan hệ thân thuộc về mặt cội nguồn giữa các ngôn ngữ Đông Nam Á, mà trọng tâm là các ngôn ngữ trên bán đảo Đông Dương.

Nội dung của các nhận định về nguồn gốc tiếng Việt, giữa các nhà nghiên cứu lúc đó, khá tản mạn, và họ thường mới chỉ nêu những quan hệ cội nguồn giữa vài ba ngôn ngữ một với nhau mà thôi.

1.a. J.R. Logan, năm 1882, trong bài *Ethnology of the Indo-Pacific Islands* [x. 9] xác định có một nhóm ngôn ngữ Môn - Việt trên bán đảo Đông Dương và tiếng Việt thuộc cùng dòng họ với tiếng Môn. Chia sẻ quan điểm này là các ý kiến của C.J.S. Forbes 1881; Himly 1884; Fr. Muller 1888, 1905; E. Kuhn 1889; W. Schmidt 1905 [x. 9].

1.b. Năm 1880, A.H. Keane trong bài báo *On the relations of the Indo -*

Oceanic races and languages [x. 9] đưa ra một luận điểm khá độc đáo. Ông cho rằng tiếng Việt có thanh điệu nên nó thuộc vào loại các ngôn ngữ của người da vàng, phân biệt với các ngôn ngữ không thanh điệu của người da ngăm.

1.c. Trong công trình *Les langues Mon - Khmer - trait d'union entre les peuples de l'Asie centrale et de l'Austrasie* (Các ngôn ngữ Môn - Khmer dấu gạch nối giữa các dân tộc Trung Á và Nam Phương [x.9]), khi tìm hiểu các ngữ hệ ở vùng Đông Á và Đông Nam Á, W. Schmidt xác định có: họ Nam Á, họ Hán - Tạng (hoặc Hán - Thái) và họ Mã Lai - Đa Đảo (Malay - Polynesian). Tuy không trực tiếp nói rõ tiếng Việt thuộc họ Nam Á, nhưng ông cho rằng nó thuộc cùng một nhóm với tiếng Môn; mà tiếng Môn lại thuộc họ Nam Á cùng các tiếng và nhóm tiếng khác như Khmer, Bahna, Êđê, Giarai, Munda, Khasi, Palaung - Wa... nên chúng ta hoàn toàn có thể suy đoán được ý tưởng của ông về vị trí của tiếng Việt trong vùng địa lý đang xét. Có lẽ trước năm 1912, công trình nêu trên của W. Schmidt là công trình về tiếng Việt có sức nặng nhất. Sau nó, nhiều công trình nghiên cứu khác cũng nói đến họ Nam Á; và các nhà nghiên cứu, trước uy tín của W. Schmidt, gần như đều thừa nhận sự phân chia và sắp xếp các ngôn ngữ của ông. (P. Macey 1906, 1907; W.W. Skeat và C.O. Blagden 1906; R.M. Davies 1909; Sten Konow 1909... [x. 9]).

1.d. Nhìn chung, có thể thấy, trong giai đoạn này, vấn đề nguồn gốc tiếng Việt chưa được đặt ra và nghiên cứu một cách độc lập trong

những công trình khảo cứu riêng với nguồn tư liệu điều tra đủ phong phú. Chính vì vậy, vấn đề chưa được giải đáp một cách thuyết phục và triệt để, rất nhiều câu trả lời đưa ra vẫn còn thiếu hụt hoặc chưa được đưa ra. Mặt khác, điều đáng chú ý hơn nữa là các căn cứ về ngữ âm lịch sử mà nhiều nhà nghiên cứu dựa vào lúc đó, chưa thực sự đủ mạnh, nên nhiều nhận xét kết luận quan trọng, trong đó kể cả luận điểm của W. Schmidt, ít nhiều vẫn cũng còn chỉ như một giả thuyết.

2. Năm 1912, một cái mốc quan trọng mở ra một giai đoạn mới trong tiến trình nghiên cứu cội nguồn tiếng Việt xuất hiện: công trình của H. Maspero.

Nội dung chính của công trình này (Nghiên cứu ngữ âm lịch sử tiếng An Nam. Các âm đầu) là dựa trên tư liệu tiếng Hán Việt, kết hợp với nguồn cứ liệu về tiếng Mường, tiếng Thái và một số ngôn ngữ Môn - Khmer khác, nghiên cứu những tương ứng về âm đầu, về thanh điệu giữa tiếng Hán Trung cổ với tiếng Hán Việt, nghiên cứu các tổ hợp âm đầu, từ láy âm... và cuối cùng là phân tích, xác định quan hệ họ hàng của tiếng Việt.

2.1. Về các âm đầu, H. Maspero khảo sát từng âm một theo từng loạt (dãy) được phân chia theo phương thức cấu âm của chúng. Để nghiên cứu mỗi âm đầu, ông tìm các tương ứng giữa tiếng Hán Trung cổ với Hán Việt, tương ứng Việt với Mường, Thái, Môn - Khmer rồi qua đó, vạch rõ nguồn gốc, thời điểm xuất hiện, quá trình diễn biến... của chúng. Cuối cùng, sau khi xác lập được bảng hệ thống âm đầu của tiếng tiền Việt, tiếng Việt thế kỉ X và tiếng Việt hiện

đại ở ba vùng phương ngữ Bắc, Trung, Nam, ông nhận xét: "Hệ thống âm đầu tiếng Việt hiện đại khác với hệ thống âm đầu tiếng Việt nguyên sơ không chỉ ở chỗ có nhiều phụ âm mới (và vắng mặt một vài phụ âm cổ) mà còn ở chỗ nhiều âm đầu thấy cả ở hai nơi là có nguồn gốc hoàn toàn khác nhau." (Trích theo [11], tr. 37).

2.2. Về các tổ hợp âm đầu, ông cho biết tiếng Việt cổ có hai tổ hợp:

* Tổ hợp có [-l] còn được ghi trong *Từ điển Việt - Bồ Đào Nha - La tinh* 1651 của A. de Rhodes. Trong Mường có [pl, bl, kl, tl] nhưng ở một số phương ngữ chỉ còn một vài tổ hợp trong số đó (vì những lý do biến đổi ngữ âm khác nhau đã xảy ra).

* Tổ hợp có [-r] biến đổi cho S (chữ s quốc ngữ) trong tiếng Việt. Sự biến đổi này đã hoàn tất trước khi *Từ điển Việt - Bồ Đào Nha - La tinh* ra đời, vì từ điển này không còn ghi nhận một tổ hợp nào có [-r].

2.3. Về thanh điệu, H. Maspero khẳng định có hai nhân tố quan trọng cần khảo sát là âm vực (cao độ) và đường nét (biến điệu). Theo ông, nhân tố thứ nhất phụ thuộc vào âm đầu, còn nhân tố thứ hai phụ thuộc vào âm cuối.

Căn cứ trên các đối ứng giữa âm đầu với âm vực của thanh điệu, ông chỉ rõ: Các âm đầu vô thanh cổ đã dẫn đến các thanh thuộc âm vực cao (nay là thanh *ngang, hỏi, sắc*) còn các âm đầu hữu thanh cổ đã dẫn đến các thanh thuộc âm vực thấp (nay là thanh *huyền, ngã, nặng*).

Đối với đường nét thanh điệu, chính H. Maspero đã phát hiện được

sự tương ứng giữa hai thanh: hỏi và ngã với âm cuối xát vô thanh [-h] (hoặc [s', s]) trong các ngôn ngữ Môn- Khmer như Môn, Stiêng... Ví dụ:

Việt: *bảy* Môn: *t'ăpăh* Stiêng: *poh...*

Việt: *mũi* Môn: *muh* Stiêng: *tremuh...*

Việt: *rẻ* Môn: *ruh* Mngong: *tremuh...*

Việt: *rẻ* Môn: *ruh* Mngong: *ries...*

Đây là một phát hiện quan trọng, nhưng rất tiếc là cách tiếp cận này đã không được ông áp dụng triệt để. Khi đi tìm cội nguồn thanh sắc, Maspero lại khảo xét, tìm kiếm ở những âm đầu được coi là bật hơi trong các ngôn ngữ Môn - Khmer như [s- h-] hoặc tổ hợp [s] [h] với âm lỏng, âm mũi như [sl- sr- hl- hr- ...]. (Sự mâu thuẫn này, về sau đã được A.G. Haudricourt phê phán và khắc phục trong bài báo *Nguồn gốc các thanh điệu tiếng Việt - De l'origine des tons en Vietnamien* công bố năm 1954).

Cuối cùng, ông nhận xét:

- Chính hệ thống thanh điệu làm cho tiếng Việt khác với các ngôn ngữ Môn - Khmer và đó là một căn cứ quan trọng để tách nó ra khỏi các ngôn ngữ Môn - Khmer (là những ngôn ngữ không thanh điệu).

- Hệ thống thanh điệu của tiếng Việt đã được hình thành dựa trên những nguyên tắc chung như trong tiếng Hán, tiếng Thái và các ngôn ngữ Tạng Miến, nhưng nó thống nhất với hệ thanh của tiếng Thái cổ.

Như vậy, có thể thấy rõ các luận điểm của H. Maspero khi ông dựa vào thanh điệu như thêm một căn cứ để quy tiếng Việt về cùng họ với các ngôn ngữ Thái (xem thêm [7], tr. 23) là:

1/ Thanh điệu là một bộ phận, một hiện tượng đặc trưng cho một ngôn ngữ, vì giữa các ngôn ngữ trong cùng một họ (có thanh điệu) sẽ phải có sự tương ứng đều đặn giữa các thanh, như giữa các phương ngữ Thái hay giữa các phương ngữ Hán chẳng hạn.

2/ Một ngôn ngữ đã không có thanh điệu thì khi vay mượn từ của ngôn ngữ có thanh điệu, nó sẽ không vay mượn các thanh của các từ đó; ví dụ như các từ vay mượn tiếng Siam (Thái Lan) trong tiếng Khmer.

3/ Tiếng Việt và tiếng Thái đều có sự tương quan như nhau giữa các âm đầu với các thanh điệu. Ở đó, có thể phân biệt giữa loạt âm đầu cao (bật hơi và xát) không có ảnh hưởng tới các thanh điệu như là các âm đầu thuộc loạt trung bình, tắc, vô thanh.

2.4. Có thể nói tóm tắt lại rằng các cơ sở chính mà H. Maspero đã dựa vào đó để kết luận về nguồn gốc tiếng Việt bao gồm:

a/ Trong vốn từ cơ bản của tiếng Việt, tuy có nhiều từ gốc Môn - Khmer nhưng không có loạt từ cơ bản nào hoàn chỉnh, thuần Môn - Khmer, mà ngược lại, ta có thể nhận thấy ở đó có khá nhiều từ gốc Thái.

b/ Tiếng Việt, cũng như tiếng Hán, tiếng Thái, hoàn toàn không có phụ tố; trong khi đó các ngôn ngữ Môn - Khmer lại có nhiều phụ tố, nhất là tiền tố và trung tố để cấu tạo các từ phái sinh.

c/ Các ngôn ngữ Môn - Khmer không có thanh điệu, tiếng Việt có thanh điệu và hệ thống thanh điệu ấy gần như đồng nhất với hệ thống thanh điệu của tiếng Thái cổ.

d/ Các tổ hợp phụ âm rất đa dạng và phong phú trong các ngôn ngữ Môn - Khmer nhưng lại khá nghèo nàn trong tiếng Việt (và cũng chỉ có những tổ hợp với âm lỏng [-l, -r] như trong tiếng Thái mà thôi).

Những khảo sát về các lớp từ cơ bản, về hệ thống âm đầu, về tổ hợp phụ âm, về hệ thống thanh điệu, về một số vấn đề của hình thái và các cơ sở như vừa nêu trên đã đưa H. Maspero đi đến kết luận quan trọng cuối cùng: "Tiếng tiền Việt đã sinh ra từ sự hoà đúc của một phương ngữ Môn - Khmer với một phương ngữ Thái và có thể của cả một ngôn ngữ thứ ba mà hiện còn chưa rõ; rồi sau đó tiếng Việt đã mượn một số rất lớn những từ của tiếng Hán. Thế nhưng, cái ngôn ngữ mà ảnh hưởng quyết định của nó đã tạo cho tiếng Việt trạng thái hiện đại, theo ý kiến tôi, chắc chắn phải là một ngôn ngữ Thái, và tôi nghĩ, tiếng Việt phải được qui vào họ Thái (trích theo [11], tr. 38)."

2.5. Công trình *Nghiên cứu ngữ âm lịch sử tiếng An Nam*. Các âm đầu là một tác phẩm rất có ý nghĩa trong công cuộc nghiên cứu lịch sử tiếng Việt. Từ sau khi nó được công bố đến nay, hầu như không có nhà khoa học nào nghiên cứu lịch sử tiếng Việt mà không nhắc đến tên tuổi, luận điểm của H. Maspero để hoặc là sử dụng tư liệu, luận điểm, tư tưởng của ông, hoặc là bổ sung cho ông, phê phán, bác bỏ ông. Điều mà chúng ta rất dễ thấy là nhiều ý kiến của ông, nhiều tư liệu mà ông đưa ra, cùng với những phương pháp làm việc tốt đã được áp dụng trong tác phẩm, cho đến nay vẫn còn hết sức có giá trị. Tuy nhiên, công trình của H. Maspero cũng thể hiện những điểm còn hạn chế sau đây:

a/ Khi đánh giá các loạt từ vựng cơ bản của tiếng Việt, mặc dù ông đã thấy tính không đều đặn và thuần nhất của chúng, nhưng lại đã bỏ qua mất một điều rất đáng được chú ý do chính nguồn ngữ liệu mà ông cung cấp thể hiện. Đó là: trong số các từ Việt được đưa ra so sánh với từ tương ứng trong các ngôn ngữ Môn - Khmer và các ngôn ngữ Thái thì tỷ lệ từ cơ bản thuộc gốc Môn - Khmer cao hơn nhiều so với những từ cơ bản thuộc nguồn gốc Thái.

.....
"Liên hệ đến vấn đề này, có một việc đáng chú ý là năm 1983, Phạm Đức Dương trong công trình Nguồn gốc tiếng Việt: từ tiền Việt Mường đến Việt Mường chung [4] cũng trình bày sự hình thành tiếng Việt trong mối tương quan và sự tiếp xúc của nó với các ngôn ngữ khác trong khu vực; và nói rõ rằng: "Nhóm [ngôn ngữ] Việt Mường là kết quả của sự tiếp xúc của một bộ phận cư dân Môn - Khmer với một bộ phận cư dân Đông Thái" [4, tr.85]. Quan niệm này được cụ thể hoá hơn trong tư tưởng của ông về một tiếng Việt mà ông gọi là được hình thành trên cơ tầng Môn - Khmer, vận hành theo cơ chế Tày Thái. Gần đây nhất, năm 1988, Hoàng Thị Châu sau khi so sánh, phân tích một số tư liệu, trong bài nghiên cứu Xem lại quan hệ giữa tiếng Việt và ngành Thái qua một số tộc từ (T/c Ngôn ngữ số 3, 1988, tr. 39 - 44) đã đi đến nhận định: "Vậy là tiếng Việt trải qua quá trình tiếp xúc lâu dài ở đồng bằng sông Hồng và sông Mã với các ngôn ngữ Thái và sau đó thì tiếng Hán đã có sự thay đổi lớn: thay đổi loại hình (...). Tiếng Việt đã trở thành một ngôn ngữ thuộc hệ Hán Thái, đúng như sự phân loại của H. Maspero (1912, 1952)".

b/ Về lịch sử các âm đầu, tuy ông đã nêu được nguồn gốc, thời gian xuất hiện và quá trình biến đổi của chúng, nhưng chưa nêu được qui luật biến đổi. Ví dụ:

1) Ông cho rằng các âm [p, b] của tiếng Hán trung cổ khi đi vào tiếng Việt và trở thành [b] Hán Việt thì đã phải trải qua quá trình nhập một, vô thanh hoá thành [p] rồi sau đó mới hữu thanh hoá thành [b]. Thế nhưng với sự biến đổi [t] > [d] thì ông lại không đả động gì đến cái chặng đường biến chuyển từ [t, d] của tiếng Hán trung cổ sang [d] Hán Việt (x. [11]).

2) Theo Vương Lộc [11], việc H. Maspero phục nguyên một dãy âm tắc hữu thanh cho tiếng tiền Việt mà ở đó lại khuyết đi hẳn cả dãy âm tắc bật hơi, là điều chứa đầy mâu thuẫn: nếu ông không phục nguyên dãy âm tắc bật hơi vì thấy sự tương ứng giữa các âm đó trong tiếng Việt, tiếng Thái và các ngôn ngữ Môn - Khmer là không đều đặn, thì việc phục nguyên dãy âm tắc hữu thanh lại đã không được dựa trên một sự tương ứng đều đặn nào.

c/ Trong khi nghiên cứu lịch sử các âm đầu của tiếng Việt, H. Maspero rất chú trọng đến nguồn tư liệu Hán Việt; nhưng khi đề cập đến lịch sử các âm đầu của tiếng Hán trung cổ, âm đầu Hán Việt, ông đã chỉ nói đến những kết quả biến chuyển từ thời Thiết vận sang Hán Việt luôn, chứ không đả động đến quá trình biến chuyển của chúng, một quá trình mà chúng ta không thể nghĩ là không có trong suốt một chặng thời gian kéo dài 3 thế kỉ.

d/ Về vấn đề thanh điệu của tiếng Việt, H. Maspero đã cố gắng

những phát hiện quan trọng khi ông nói rằng thanh điệu có nguồn gốc ở sự biến đổi của âm đầu và âm cuối. Thế nhưng, cũng chính tại điểm này, có lúc ông lại phát biểu thanh điệu hình thành không phải do sự phát triển, biến đổi nội tại, mà nó là cái có ngay từ đầu (x. [11], tr. 39).

2.6. Chính vì các ưu điểm và nhược điểm nêu trên mà từ năm 1912 đến sát lúc bài báo *Vị trí của tiếng Việt trong các ngôn ngữ Nam Á* của A.G. Haudricourt được công bố (năm 1953) các tư tưởng và luận điểm của H. Maspero về căn bản là đứng vững, được nhiều nhà nghiên cứu tán đồng [x. 9], ví dụ như:

- W. Schmidt trong *Die sprachfamilien un sprachenkreise der Erde*, Heidelberg, 1926.

- K. Wulff trong *Chinesisch und Tai: sprach vergleichende Untersuchungen*, "Kobenhavn", 1934.

- R. Shafer trong *The vocalism of Sino - Tibetan*, "JAOS", 1940.

- A. Sebeok trong *An examination of the Austroasiatic language family*, "Language", 1942.

Tuy vậy, cũng đã có những người phản đối như:

- C.O. Blagden trong *The classification of the Annamese Language*, "JRAS of Greate Britain dan Ireland", 1913.

- E. Souvignet trong *Les origines de la langue annamite*, "Vrieties Tonkinoises", 1920.

- J. Przyluski trong *Les langues austroasiatiques*, "Les langues du monde", 1924...

hoặc nỗ lực đi tìm một con đường khác như: A. Conrady 1916, 1922; G. Coedes et Burnay 1927; G. Coedes 1949; Matsumoto Nobuhiro 1928;

W. Schmidt 1930; R. Shaper 1940, 1952; Paul K. Benedic 1942; K. Wulff 1942; G. Haudricourt 1947, 1950; F.B.J. Kuiper 1948; J.H. Greenberg 1953... (x. [9]).

Phải thừa nhận rằng tác phẩm của H. Maspero là một công trình khoa học rất xuất sắc, mặc dù bên cạnh những ý kiến xác đáng, những nhận xét tinh nhạy và uyên bác của ông, còn có những khiếm khuyết mà sau này G. Haudricourt đã bổ sung, phê phán, chứng minh lại một cách hết sức thuyết phục. *Nghiên cứu ngữ âm lịch sử tiếng An Nam. Các âm đầu* xứng đáng là một cột mốc quan trọng trong quá trình nghiên cứu lịch sử tiếng Việt.

3. Giai đoạn ba: từ 1953 - 1954 đến nay. Giai đoạn này, có thể nói, được đánh dấu bằng hai bài báo hết sức quan trọng của A.G. Haudricourt:

- *Vị trí của tiếng Việt trong các ngôn ngữ Nam Á* công bố 1953.

- *Về nguồn gốc các thanh điệu của tiếng Việt* công bố năm 1954.

Tư tưởng căn bản và xuyên suốt của A.G. Haudricourt trong hai công trình này là xếp tiếng Việt vào cùng nhóm với các ngôn ngữ Môn - Khmer trong họ Nam Á. Có thể nói, tư tưởng này, với những nét mới mẻ và sức thuyết phục của nó, đã được xem như tư tưởng chủ đạo cho đến tận ngày nay. Điều kết luận quan trọng nhất, được ông đưa làm câu mở đầu trong bài báo: *Vị trí của tiếng Việt trong các ngôn ngữ Nam Á*. Ông viết: "Vị trí của tiếng Việt phải là ở trong họ Nam Á giữa nhóm Palaung - Wa ở Tây bắc và nhóm Môn - Khmer ở Tây nam" [6, tr. 20].

Kết luận này cũng như những tư tưởng quan trọng khác của ông được rút ra, đồng thời được chứng minh qua các nguồn ngữ liệu và những phân tích, phê phán, bổ sung các luận điểm của H. Maspero. Cụ thể là:

3.1. Về vốn từ cơ bản, A.G. Haudricourt đã đưa cứ liệu so sánh và chỉ rõ nền tảng Môn - Khmer của tiếng Việt:

a/ Căn cứ trên các từ chỉ bộ phận thân thể của các ngôn ngữ như Mường, Phong, Kuy, Bahna, Mnong, Samre, Rieng, Khamou, Môn, Khmer, Khasi, Mak, Sui, Laqua, Dioi, Latí, Kelao, Thái chung... ông khẳng định:

+ Hai từ *cổ* và *cầm* mà H. Maspero cho là gốc Thái, thực ra là có nguồn gốc Môn - Khmer.

+ Trong danh sách 12 từ chỉ bộ phận thân thể mà H. Maspero từng nghiên cứu, rõ ràng là có ba nhóm:

- Nhóm 1 gồm những từ như *mắt, mũi, tóc, tay*: chung cho hầu hết các ngôn ngữ Nam Á.

- Nhóm 2 gồm những từ như: *tróc, tai, miệng, lưỡi, môi*, chỉ gặp trong tiếng Phong, còn trong các ngôn ngữ khác thì khác nhau.

- Nhóm 3 gồm những từ không gặp trong tiếng Mường, tiếng Phong như *cổ, cầm, răng*, nhưng lại gặp trong các ngôn ngữ Môn - Khmer (*cổ, cầm*) hoặc gặp trong ngôn ngữ Palaung - Wa (*răng*).

b/ Theo A.G. Haudricourt, hai từ mà H. Maspero cho là từ Việt gốc Thái (*bi, bụng*) cần phải được xét lại, vì *bi* không thấy có trong các từ điển tiếng Việt quen dùng, còn *bụng* thì có thể gặp trong các

tiếng Kuy, Samre, Khamou (trong khi ở tiếng Thái chung, từ có nghĩa là “bụng”, là *don*; chỉ có tiếng Siam, tiếng Lào đã vay mượn từ *buñ*).

c/ Đúng như H. Maspero nói, trong tiếng Thái chung có một từ để chỉ lúa gạo là *khăw*; và vì thế ông cho rằng từ *gạo* trong tiếng Việt xuất phát từ nguồn gốc Thái. A.G. Haudricourt đã chứng minh rằng tiếng Việt có 2 từ riêng rẽ để chỉ hai khái niệm *Lúa - Gạo*, và điều này không phải chỉ có trong tiếng Việt, mà chúng ta có thể quan sát thấy trong hàng loạt ngôn ngữ Nam Á. So sánh:

Việt	<i>lúa</i>	<i>gạo</i>
Mường, Phong	<i>lo</i>	<i>kao</i>
Kuy	<i>alo</i>	<i>as*</i>
Bahna	<i>ba</i>	<i>phe</i>
Koho	<i>koe</i>	<i>phe</i>
Samre	<i>hal</i>	<i>rkho</i>
Khmer	<i>srù</i>	<i>nko</i>
Môn	<i>sró</i>	<i>snu</i>
Khamou	<i>hó</i>	<i>kó</i>
Khasi	<i>k'ba</i>	<i>khaw</i>

Về cặp từ *lúa - gạo*, ông kết luận: “Sự phù hợp của tiếng Khasi, tiếng Palaung - Wa (Khamou, Riang) với các tiếng Samre và Khmer về hình thức và nghĩa, cho thấy là phải tìm trong Nam Á để thấy nguồn gốc của từ *gạo*” [6, tr. 21].

Cuối cùng, để kết thúc những khảo luận về từ vựng cơ bản trong tiếng Việt, ông viết: “Một sự hiểu biết tốt hơn về các ngôn ngữ Nam Á ở phía Bắc cho thấy là các từ mà H. Maspero coi là Thái thì sự thật chúng là những từ mà các tiếng Siam và Lào đã mượn của cơ tầng

Nam Á; như vậy tỷ lệ những từ Việt gốc Nam Á tăng lên và người ta có thể tự hỏi là những từ chung của tiếng Việt và tiếng Thái có phải là mượn của Thái không, hẳn không phải là những từ Thái mượn của Việt. Những ngôn ngữ có quan hệ họ hàng với Thái còn được biết rất ít để có thể quyết định về vấn đề này [6, tr. 21].

3.2. Có một điểm, tuy A.G. Haudricourt không đi sâu phân tích nhiều nhưng không vì thế mà kém phần quan trọng. Đó là sự giống nhau của những hiện tượng ngữ pháp, mà một trong những hiện tượng rất thú vị là cặp từ có quan hệ nhân quả, phản ánh những tàn dư còn sót lại của hệ hình thái Nam Á cổ xưa. So sánh:

Việt:	chính tả: phát âm:	<i>chết</i> <i>cet</i>	<i>giết</i> <i>3iet</i>
Phong		<i>cet</i>	<i>poCet</i>
Khamou		<i>han</i>	<i>phan</i>
Lamet		<i>yam</i>	<i>pyam</i>
Kuy		<i>kCet</i>	<i>komCet</i>
Khmer		<i>slăp</i>	<i>somlăp</i>
Môn		<i>khyut</i>	<i>paCút</i>

Trong khi đó, cặp từ này của tiếng Thái chung là *tay - pa*.

3.3. Kiến giải về hệ thống thanh điệu của tiếng Việt, luận điểm gây ấn tượng mạnh nhất của A.G. Haudricourt là: tiếng Việt đã có một quá trình chuyển từ trạng thái không thanh điệu như phần lớn các ngôn ngữ Nam Á nói chung hay các ngôn ngữ Môn - Khmer nói riêng, sang trạng thái có thanh điệu. Ông thừa nhận tính đúng đắn của sự tương ứng giữa thanh *hỏi - ngã* của tiếng Việt với âm cuối xát vô thanh [-h] (hoặc [-s', -s]) trong các ngôn ngữ Môn -

Khmer do H. Maspero phát hiện; nhưng ông cũng đã thấy điểm mâu thuẫn quan trọng trong kiến giải của H. Maspero khi học giả này cố đi tìm cội nguồn của thanh *sắc nặng* ở các âm đầu bật hơi. (Bởi chính H. Maspero nói rằng biến điệu - đường nét - của thanh điệu là phụ thuộc vào các âm cuối).

A.G. Haudricourt quả quyết rằng sự phân biệt giữa các âm đầu cao (tức bật hơi) và các âm đầu vừa (không bật hơi) mà H. Maspero đưa ra, không giải quyết được vấn đề phân bố các thanh *sắc* và *ngang*. Ông cũng khẳng định, mặc dù H. Maspero có tìm thấy một số từ mang thanh *sắc* ứng với những từ có âm đầu bật hơi trong một số ngôn ngữ, chẳng hạn Việt: *tám* (Mnong: *pham*); Việt: *lá* (Môn: *sla*; Bahna: *hla*); Việt: *lúa* (Môn: *sro*) nhưng những từ khác như *cá*, *chấy*, *chó*, *bốn* lại không ứng với những từ có âm đầu bật hơi trong những ngôn ngữ Môn - Khmer khác. Đã vậy, từ của tiếng Bahna, Mnong là *snam* lại ứng với từ *năm* (year) - một từ mang thanh *ngang* của Việt.

a/ Đối với nguồn gốc của thanh *hỏi* - *ngã* (được hiểu là thanh vị - tonem), nếu như trước đây, H. Maspero chỉ đưa chứng cứ về những tương ứng thanh - âm cuối; thì nay A.G. Haudricourt phân tích một cách xác đáng như sau: "... âm sát cuối đã trở thành âm [-h] thanh quãng, sinh ra bởi sự nói lỏng đột ngột của thanh quãng. Sự nói lỏng của các dây thanh tạo nên sự hạ thấp đột ngột độ cao nhạc tính của nguyên âm đứng trước, tức là một thanh xuống thấp: thanh này vốn lúc đầu là hậu quả ngữ âm học của [-h]

cuối, trở thành một thanh có giá trị khu biệt âm vị học, đặc trưng cho từ khi âm [h] biến mất trong quá trình biến hoá [7, tr. 29-30].

b/ Căn cứ trên sự tương ứng giữa thanh *sắc* với âm cuối tắc thanh hầu trong các từ như:

Việt: <i>lá</i>	Riang: <i>la?</i>	Khamru: <i>hla?</i>
Việt: <i>lúa</i>	Riang: <i>ko?</i>	Khamou: <i>raco?</i>
Việt: <i>cá</i>	Riang: <i>ka?</i>	Khamou: <i>ka?</i>
Việt: <i>chấy</i>	Riang: <i>si?</i>	Khamou: <i>so?</i>

A.G. Haudricourt lý giải sự hình thành thanh *sắc-nặng* như sau: "Sự tắc thanh quãng sau một nguyên âm được sinh ra là do sự tăng độ căng của các dây thanh (vận động trái ngược với trường hợp [-h] cuối như đã thấy). Trong độ dài của nguyên âm, sự tăng cường độ căng của các dây thanh chuẩn bị cho hiện tượng tắc ở âm cuối, tạo thành một thanh lên cao. Thanh này, hậu quả ngữ âm học của hiện tượng tắc thanh hầu, trở thành một thanh thực sự có giá trị khu biệt âm vị học để phân biệt từ khi hiện tượng tắc thanh hầu biến mất" [7, tr. 30].

Cuối cùng, ông phác hoạ một bảng sơ đồ nguồn gốc các thanh tiếng Việt như sau. (xem sơ đồ ở trang sau)

Từ đầu công nguyên sang đến thế kỉ VI, âm cuối [-h] và [-s'/s] rụng đi, nên ba thanh xuất hiện để bảo đảm nhu cầu khu biệt nghĩa của các cặp từ như *pa* - *pas* - *pah*; hoặc *ba* - *ba?* - *bax*... chẳng hạn. Từ thế kỉ VI sang thế kỉ XII, các âm đầu hữu thanh bị vô thanh hoá, ba thanh phải nhân đôi, trở thành sáu thanh để bảo đảm nhu cầu khu biệt nghĩa, tránh đồng âm hàng loạt. Từ

<i>Đầu công nguyên</i> (không thanh)	<i>Thế kỉ VI</i> (3 thanh)	<i>Thế kỉ XII</i> (6 thanh)	<i>Hiện nay</i> (6 thanh)
<i>pa</i>	<i>pa</i>	<i>pa</i>	<i>ba</i>
<i>sla hla</i>	<i>hla</i>	<i>la</i>	<i>la</i>
<i>ba</i>	<i>ba</i>	<i>pà</i>	<i>bà</i>
<i>la</i>	<i>la</i>	<i>là</i>	<i>là</i>
<i>pas pah</i>	<i>pà</i>	<i>pả</i>	<i>bả</i>
<i>slas hlah</i>	<i>hlà</i>	<i>lả</i>	<i>lả</i>
<i>bas bah</i>	<i>bà</i>	<i>pã</i>	<i>bã</i>
<i>las lah</i>	<i>là</i>	<i>lã</i>	<i>lã</i>
<i>pax pa?</i>	<i>pá</i>	<i>pá</i>	<i>bá</i>
<i>slax hla?</i>	<i>hlá</i>	<i>lá</i>	<i>lá</i>
<i>bax ba?</i>	<i>bá</i>	<i>pạ</i>	<i>bạ</i>
<i>lax la?</i>	<i>lá</i>	<i>lạ</i>	<i>lạ</i>

sau thế kỉ XII các âm đầu vô thanh đã hữu thanh hoá rồi giữ trạng thái đó cho đến nay.

Tuy nhiên, điều khiến A.G. Haudricourt băn khoăn là chưa tìm được âm tắc thanh hầu [-ʔ] đứng sau các âm mũi (và chính vì vậy nên trong bảng sơ đồ không hề thấy có các âm mũi này). Vào thời điểm 1954, hoàn cảnh tư liệu lúc đó buộc ông phải thừa nhận: “nhưng khôn thay, trong các ngôn ngữ Palaung - Wa, hiện tượng tắc thanh hầu lại không gặp được trong những

từ có phụ âm cuối sonante; do đó mà không có gì trong từ *Riang pon* có thể giải thích được thanh của từ Việt bốn” [7, tr. 30]. Ông đã phải viện dẫn đến sự kết hợp giữa âm cuối sonante với âm cuối tắc thanh hầu trong tiếng Lusai - một ngôn ngữ Tạng Miến. Như vậy chúng ta có thể hình dung lý thuyết của A.G. Haudricourt về sự hình thành thanh / thanh điệu tiếng Việt (về mặt đường nét / biến điệu) như sau: (mặc dù trong bảng sơ đồ bên trên, ông không trực tiếp nói đến các âm cuối mũi [-m, -n, -ɲ, -ŋ]).

Âm cuối	- ɸ -m -n -ɲ -ŋ	- ʔ -p -t -k -c	- h - s
Thanh điệu	Ngang - Huyền	Sắc - Nặng	Hỏi - Ngã

4. Như vậy, điều dễ thấy nhất trong giai đoạn nghiên cứu từ 1953 - 1954 trở về trước đối với lịch sử tiếng Việt không phải là những tìm tòi về quá trình phát triển lịch sử thuộc các bình diện, các bộ phận của nó, mà là những nỗ lực không mệt mỏi của các nhà khoa học nhằm cố gắng xác định cho được quan hệ cội nguồn của nó.

Từ chỗ xuất phát vốn chỉ là những nghiên cứu “kèm theo”, với tư cách như một vài điểm trong một nghiên cứu chung nào đó của các nhà nghiên cứu châu Âu về khu vực châu Á hoặc châu Á - Thái Bình Dương, vấn đề đã ngày càng thu hút được sự quan tâm của nhiều người hơn; và trong số đó, tư tưởng

của H. Maspero và A.G. Haudricourt chính là hai quan điểm lớn nhất, khác nhau nhất, nổi lên hàng đầu.

Công trình của H. Maspero với những cống hiến xuất sắc bên cạnh những khiếm khuyết của nó như chúng tôi đã phân tích tại điểm 2.5. bên trên, là một cái mốc hết sức quan trọng trong tiến trình nghiên cứu lịch sử tiếng Việt.

Đến A.G. Haudricourt, quan điểm về cội nguồn tiếng Việt đã thay đổi hẳn. Tuy tư liệu chứng minh vẫn còn có những điểm chưa thật hoàn thiện, nhưng tư tưởng trong các công trình hữu quan của ông (A.G. Haudricourt) cần phải được đánh giá như một bước tiến mang tính chất bản lề, đưa việc nghiên cứu lịch sử tiếng Việt sang một bước ngoặt mới: thừa nhận sự ảnh hưởng hết sức lớn lao của các ngôn ngữ Thái, Hán đối với tiếng Việt, nhưng con đường và cách thức hình thành thanh điệu cũng như vốn từ vựng cơ bản và nhiều điều khác nữa của nó buộc chúng ta phải nghĩ rằng nguồn gốc tiếng Việt phải thuộc về họ Nam Á, nhóm Môn - Khmer. Chính sự đột phá này đã mở ra một hướng đi mới, càng ngày càng được các nhà nghiên cứu cùng với những nguồn tư liệu thu thập và phân tích được của họ chứng minh và ủng hộ thêm.

Tuy vấn đề đã trở nên rõ ràng hơn, nhưng những lời giải đáp thuộc nhiều bộ phận, nhiều lĩnh vực trong nghiên cứu lịch sử tiếng Việt vẫn chưa phải là đã hết; và những điều này sẽ được trình bày trong một bài viết tiếp theo.

(Bài tiếp tục về chủ đề này sẽ in trong T/c Ngôn ngữ số tiếp theo)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Tài Cẩn, Nguồn gốc và quá trình hình thành cách đọc Hán Việt, Nxb KHXH, H., 1979.
2. Nguyễn Tài Cẩn, Giáo trình lịch sử ngữ âm tiếng Việt, Nxb Giáo dục, H., 1995.
3. Nguyễn Tài Cẩn, Thử phân kì lịch sử mười hai thế kỉ của tiếng Việt, T/c Ngôn ngữ, số 6, 1988, tr. 7 - 12.
4. Phạm Đức Dương, Nguồn gốc tiếng Việt: từ tiền Việt Mường đến Việt Mường chung, Sách: Tiếp xúc ngôn ngữ ở Đông Nam Á, Viện Đông Nam Á, 1983, tr. 76 - 133.
5. Jakhontov. S.E., Về sự phân loại các ngôn ngữ ở Đông Nam châu Á, T/c Ngôn ngữ, số 1, 1991, tr. 75 - 77.
6. Haudricourt. A.G., Vị trí của tiếng Việt trong các ngôn ngữ Nam Á, T/c Ngôn ngữ, số 1, 1991, tr. 19 - 22.
7. Haudricourt. A.G., Về nguồn gốc các thanh của tiếng Việt, T/c Ngôn ngữ, số 1, 1991, tr. 23 - 31.
8. Haudricourt. A.G., Giới hạn và nối kết của các ngôn ngữ Nam Á, T/c Ngôn ngữ, số 1, 1991, tr. 32 - 40.
9. Hồ Lê, Những sự nghiên cứu và tranh luận của nước ngoài xung quanh vấn đề nguồn gốc tiếng Việt, T/c Ngôn ngữ, số 4, 1971, tr. 42 - 59.
10. Bình Nguyên Lộc, Nguồn gốc Mã lai của dân tộc Việt Nam, Bách bộc, Sài gòn, 1971.
11. Vương Lộc, Henri Maspero và công trình "Nghiên cứu ngữ âm lịch sử tiếng An nam. Các âm đầu", T/c Ngôn ngữ, số 3, 1997, tr. 34 - 39.
12. Vương Lộc, An nam dịch ngữ, (Giới thiệu và chú giải), Nxb Đà Nẵng - Trung tâm từ điển học, 1995.
13. Nguyễn Văn Lợi, Trung tố cấu tạo danh từ Proto Việt Mường và dấu vết của chúng trong tiếng Việt hiện đại, T/c Ngôn ngữ, số 2, 1992, tr. 29 - 36.
14. Maspero. H., Étude sur la phonétique historique de la langue annamite. Les initiales, BEFEO, Vol. 12, No. 1, pp. 1-127, (Bản dịch của Khoa ngữ văn, Đại học tổng hợp Hà Nội).